

## ●44. LUYỆN TẬP CHUNG

### A – MỤC TIÊU

Giúp HS ôn :

- Củng cố viết số đo độ dài, khối lượng và diện tích dưới dạng số thập phân theo các đơn vị đo khác nhau.
- Luyện giải bài toán có liên quan đến đơn vị đo độ dài, diện tích.

### B – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

**Bài 1 :** Viết số đo độ dài dưới dạng số thập phân theo các đơn vị đo khác nhau.  
GV cho HS làm bài.

HS tự làm, sau đó một HS nêu cách làm và đọc kết quả.

**Bài 2 :** Viết số đo khối lượng dưới dạng số đo có đơn vị là ki-lô-gam.

GV cho HS làm bài.

HS tự làm, một HS nêu cách làm và kết quả.

**Bài 3 :** Viết số đo diện tích dưới dạng số thập phân có đơn vị là mét vuông.

GV cho HS tự làm, sau đó một vài HS nêu kết quả, GV nhận xét.

(Chú ý so sánh sự khác nhau giữa việc đổi đơn vị đo diện tích với việc đổi đơn vị đo độ dài).

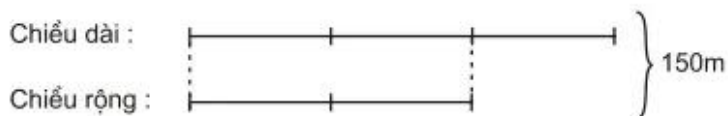
**Bài 4 :** Vận dụng giải toán : GV cho HS đọc bài 4, HS tự làm bài.

Một HS trình bày các bước giải, cả lớp nhận xét.

*Bài giải*

$$0,15\text{km} = 150\text{m}.$$

Ta có sơ đồ :



Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là :

$$3 + 2 = 5 \text{ (phần)}$$

Chiều dài sân trường hình chữ nhật là :

$$150 : 5 \times 3 = 90 \text{ (m)}$$

Chiều rộng sân trường hình chữ nhật là :

$$150 - 90 = 60 \text{ (m)}$$

Diện tích sân trường hình chữ nhật là :

$$90 \times 60 = 5400 \text{ (m}^2\text{)}$$

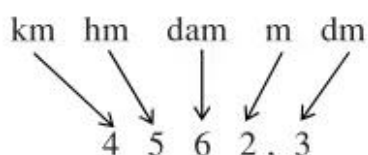
$$5400\text{m}^2 = 0,54\text{ha}$$

Đáp số :  $5400\text{m}^2$  ;  $0,54\text{ha}$ .

*Chú ý* : Khi viết số đo độ dài và khối lượng dưới dạng số thập phân, ngoài cách quy về phân số thập phân sau đó đổi ra số thập phân, GV có thể cho HS làm quen cách khác, chẳng hạn :

Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm :  $4562,3\text{m} = \dots \text{ km}$ .

HS phân tích như sau : xuất phát từ chữ số hàng đơn vị của số  $4562,3$  ứng với mét ; xác định các chữ số còn lại ứng với các đơn vị đo nào trong hệ đơn vị đo độ dài :



Khi đó ta sẽ có ngay :  $4562,3\text{m} = 4,5623\text{km}$ .

Từ đó có thể mở rộng, suy ra các kết quả khác :

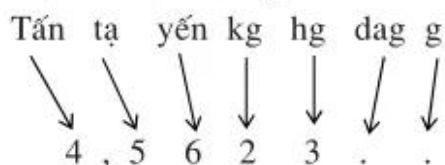
$$4562,3\text{m} = 45,623\text{hm}$$

$$4562,3\text{m} = 456,23\text{dam}$$

$$4562,3\text{m} = 45\,623\text{dm}$$

Làm tương tự với bài tập sau : Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm :

$$4,5623 \text{ tấn} = \dots \text{ kg}$$



Có ngay  $4,5623 \text{ tấn} = 4562,3\text{kg}$ .

Và có thể mở rộng, suy ra các kết quả khác :

$$4,5623 \text{ tấn} = 45,623 \text{ tạ}$$

$$4,5623 \text{ tấn} = 456,23 \text{ yến}$$

$$4,5623 \text{ tấn} = 45\,623\text{hg}$$

$$4,5623 \text{ tấn} = 456\,230\text{dag}$$

$$4,5623 \text{ tấn} = 4\,562\,300\text{g}$$

Cách này có thể hướng dẫn thêm cho HS khá, giỏi.